

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2020

**BẢN TIN TUẦN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC**  
**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**  
**TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020**  
(Tuần từ ngày 29 tháng 10 năm 2020 đến ngày 04 tháng 11 năm 2020)

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Bến Cát	3,4	1.488,0	- 0,6	- 22,6	- 24,0	- 31,2	- 3,8	32,3
Bình Long	0,0	1.948,2	+ 3,3	+ 15,8	+ 36,6	- 18,2	- 11,0	22,6
Cần Đăng	0,0	1.293,0	- 21,7	+ 2,1	- 14,4	- 37,2	- 26,9	20,3
Dầu Tiếng	0,2	2.306,4	+ 39,5	- 17,8	+ 32,1	+ 12,0	+ 25,5	22,0
Đồng Ban	0,0	1.445,4	+ 9,1	- 13,7	+ 19,3	- 23,2	- 13,5	25,6
Gò Dầu	2,3	1.137,0	- 21,7	- 37,8	- 24,0	- 28,8	- 23,8	26,5
Lộc Ninh	0,0	1.424,8	- 25,5	- 25,2	- 26,2	- 56,9	- 9,6	22,2
Sở Sao	1,2	1.850,8	+ 6,9	- 28,2	- 7,2	- 11,0	- 12,7	31,6
Tân Sơn Hòa	2,2	1.948,6	+ 14,4	+ 33,8	+ 3,0	- 20,1	+ 0,8	24,6
Tây Ninh	0,0	1.255,3	- 28,5	- 22,5	- 20,8	- 34,4	- 39,0	22,2
<b>Trung bình</b>	<b>0,9</b>	<b>1.609,8</b>	<b>- 2,5</b>	<b>- 11,6</b>	<b>- 2,5</b>	<b>- 24,9</b>	<b>- 11,4</b>	<b>25,0</b>

Ghi chú: "+", "-" Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

**Nhận xét:**

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực thấp hơn TBNN 2,5%, thấp hơn 11,6% so với năm 2019, thấp hơn 2,5% so với năm 2018, thấp hơn 24,9% so với năm 2017 và thấp hơn 11,4% so với năm 2016. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Bến Cát (3,4 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại các trạm Bình Long, Cần Đăng, Dầu Tiếng, Đồng Ban, Lộc Ninh, Tây Ninh (0,0 mm).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 25,0 mm, có xu hướng xấp xỉ trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)						Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017	2016	Tuần trước		
Hồ Dầu Tiếng	1.580,00	1300,54	82,31	- 1,6	- 4,8	+ 6,2	- 10,3	- 13,4	+ 2,3	Tăng	92,11
Hồ Càn Nôm	7,99	5,01	62,64	- 29,0	- 22,4	- 31,3	- 35,8	- 30,5	+ 1,2	Tăng	66,58
Hồ Ba Veng	0,8674	0,87	100,00	+ 21,1	0	+ 14,1	+ 13,7	+ 37,7	0	Tăng	100,00
Hồ Tha La	23,47	14,26	60,78	- 13,6	- 16,3	- 1,3	- 22,1	- 21,6	+ 5,7	Tăng	72,57
Hồ Bù Nâu	0,614	0,10	16,29	- 83,5	- 83,7	- 83,5	- 83,7	- 83,3	0	Giảm	51,14
Hồ Tà Thiết	1,15	1,150	100,00	+ 17,8	0	+ 0,8	0	+ 25,0	0	Tăng	100,00
Hồ Rừng Cấm	2,068	1,93	93,26	+ 4,6	+ 23,0	- 6,2	- 6,7	- 5,2	+ 7,8	Tăng	99,81
Hồ Tà Te	0,756	0,60	79,42	- 17,1	- 11,5	- 20,8	- 20,6	- 19,9	+ 18,4	Tăng	97,94
Hồ Suối Láp	0,37	0,37	100,00	+ 5,8	0	+ 0,5	0	+ 27,6	0	Tăng	100,00
Hồ Lộc Thạnh	2,957	2,96	100,00	+ 20,7	0	+ 5,6	+ 13,7	+ 38,2	0	Tăng	100,00
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>1.620,24<sup>(*)</sup></b>	<b>1.327,78</b>	<b>81,95</b>	<b>- 7,5</b>	<b>- 11,6</b>	<b>- 11,6</b>	<b>- 15,2</b>	<b>- 4,6</b>	<b>+ 3,5</b>		<b>91,73</b>

Ghi chú: "+", "-" Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (\*): Giá trị tổng.

### Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 1.620 triệu m<sup>3</sup>. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 28/10/2020 ở mức khá so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 1.327,78 triệu m<sup>3</sup> (đạt 81,95% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ TBNN, thấp hơn cùng kỳ các năm 2016-2019. Hồ Bù Nâu (tỉnh Bình Phước) đang thi công sửa chữa thay thế túi đập cao su.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 1. Khả năng cấp nước

#### a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 11 của vụ Mùa năm 2020 của 11 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) là **62,04** triệu m<sup>3</sup>.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Mùa năm 2020				Nhu cầu nước tưới tháng 11 cho vụ Mùa năm 2020 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
		Diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
<b>Tổng cộng</b>		<b>19.381,0</b>	<b>1.331,0</b>	<b>26.395,0</b>	<b>447,0</b>	<b>62,04</b>
1	Hồ Dầu Tiếng	19.000	1.300	22.660	440	58,19
2	Hồ Càn Nôm	89	31		7	0,18
3	Hồ Ba Veng			70		0,04

TT	Tên hồ chứa	Vụ Mùa năm 2020				
		Diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 11 cho vụ Mùa năm 2020 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
4	Hồ Tha La	200		3.300		3,21
5	Hồ Bù Nâu	42		60		0,09
6	Hồ Tà Thiết	50		20		0,17
7	Hồ Rừng Cắm			90		0,05
8	Hồ Tà Te			30		0,02
9	Hồ Suối Láp			85		0,05
10	Hồ Lộc Thạnh			80		0,04

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 11 năm 2020 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
1	Hồ Dầu Tiếng	323,00
2	Hồ Cản Nôm	1,20
3	Hồ Ba Veng	0,99
4	Hồ Tha La	49,03
5	Hồ Bù Nâu	0,69
6	Hồ Tà Thiết	0,25
7	Hồ Rừng Cắm	0,76
8	Hồ Tà Te	0,12
9	Hồ Suối Láp	0,67
10	Hồ Lộc Thạnh	0,57

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 11 cho vụ Mùa, kết quả dự báo tuần từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/11/2020 như sau:

- **10/10 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Dầu Tiếng, hồ Cản Nôm, hồ Ba Veng, hồ Tha La, hồ Bù Nâu, hồ Tà Thiết, hồ Rừng Cắm, hồ Tà Te, hồ Suối Láp, hồ Lộc Thạnh.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Mùa năm 2020 từ ngày 29/10/2020 đến 04/11/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Dầu Tiếng	82,31	43.400	82,96	100	43.400	Đủ nước
Hồ Cản Nôm	62,64	127,00	64,14	100	127,00	Đủ nước
Hồ Ba Veng	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Tha La	60,78	3.500	61,60	100	3.500	Đủ nước
Hồ Bù Nâu	16,29	102	16,29	100	102	Đang sửa chữa

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Mùa năm 2020 từ ngày 29/10/2020 đến 04/11/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Tà Thiết	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Rừng Cầm	93,26	90	97,75	100	90	Đủ nước
Hồ Tà Te	79,42	30	89,71	100	30	Đủ nước
Hồ Suối Láp	100,00	85	100,00	100	85	Đủ nước
Hồ Lộc Thanh	100,00	80	100,00	100	80	Đủ nước
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>81,95</b>	<b>47.554<sup>(*)</sup></b>	<b>82,62</b>	<b>100</b>	<b>47.554<sup>(*)</sup></b>	

Ghi chú: <sup>(\*)</sup> giá trị tổng.

## 2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tây Ninh	Thanh Bắc – Tân Biên	1.277,5	- 6	- 29	- 45	Rủi ro hạn thấp
Dầu Tiếng	Tân Hà – Tân Châu	2.328,4	+ 90,5	+ 38	- 18	Rủi ro hạn thấp
	Thanh Đức – Gò Dầu					
	Cầu Khởi – Dương Minh Châu					
	Gia Lộc – Trảng Bàng					
<b>Trung bình</b>		<b>1.803,0</b>	<b>+ 42,2</b>	<b>+ 5</b>	<b>- 32</b>	<b>Rủi ro hạn thấp</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

### Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 5% và cao hơn 42,2% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Mặt khác, khu vực hiện tại đang trong mùa mưa, tuần qua tiếp tục có mưa nhỏ đến mưa vừa nên khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

## 3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
47.554	19.381	28.173					

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 04/11/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 1.338,6 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 82,62% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 10/10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 04/11/2020 không thay đổi.

Hiện tại, khu vực đang trong mùa mưa lũ, để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Mùa 2020 và nhằm ứng phó với diễn biến thiên tai có thể xảy ra, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Tăng cường nguồn lực thực hiện các giải pháp phòng, chống, ngập lụt, úng, đảm bảo cấp nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh; **(2)** Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; **(3)** Khẩn trương kiểm tra, sửa chữa công trình đảm bảo sẵn sàng phục vụ trong mọi tình huống trong mùa mưa lũ; **(4)** Đề phòng tình trạng ngập lụt nếu có mưa lớn xảy ra, khi hồ chứa thượng lưu xả lũ, triều cường... *Đặc biệt ở các khu vực: vùng dọc sông Sài Gòn đoạn qua tỉnh Bình Dương, TP HCM khu vực hạ du hồ Dầu Tiếng, sông Thị Tinh đoạn qua phường Mỹ Phước (TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương).*

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn- vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 05/11/2020 (tuần sau)./.

#### **Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

**VIỆN TRƯỞNG**